TOÀ ÁN NHÂN DÂN **QUẬN DƯƠNG KINH** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2019/HS-ST
Ngày 01-10-2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN DƯƠNG KINH, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Song Hải

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Thanh Giản

Bà Phạm Thị Hằng

***- Thư ký phiên toà*:** Ông Phạm Ngọc Tiến - Thẩm tra viên chính Toà án nhân dân quận Dương Kinh, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Dương Kinh, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Kim Thị Ngọc Bích - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Dương Kinh, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 15/2019/TLST-HS ngày 12 tháng 9 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 33/2019/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 9 năm 2019, đối với các bị cáo:

1. Hoàng Văn N, sinh năm 1995 tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Thôn ĐP, xã Đ, huyện KT, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: N; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt N; con ông Hoàng Văn M, sinh năm 1955 và bà Lưu Thị T, sinh năm 1959; chưa có vợ con; T án, T sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 06-6-2019, đến ngày 07-6-2019 chuyển tạm giam; có mặt.

2. Hoàng Đức T (tên gọi khác: Tiến), sinh năm 1996 tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Thôn ĐP, xã Đ, huyện KT, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: N; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt N; con ông Hoàng Văn S, sinh năm 1962 và bà Vũ Thị Ch, sinh năm 1971; chưa có vợ, con; T án, T sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 06-6-2019, đến ngày 07-6-2019 chuyển tạm giam; có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo Hoàng Đức T (tên gọi khác: Tiến): Bà Đoàn Thị Hệ - Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước thành phố Hải Phòng; có mặt.

- *Người làm chứng:*

+ Anh Đỗ Công H; vắng mặt.

+ Anh Bùi Hữu H; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Sáng ngày 06/6/2019, sau khi N cùng T đi mua dừa rồi mang về Thôn ĐP, xã Đ, huyện KT, thành phố Hải Phòng bán kiếm lời được 200.000 đồng, chia nhau mỗi người được 100.000 đồng, sau đấy N bảo T mỗi người góp 100.000 đồng để mua ma túy về sử dụng chung, T đồng ý mua và đưa cho N 100.000 đồng để mua ma túy. Khoảng 10 giờ cùng ngày, T điều khiển xe mô tô BKS: 16H8-8330 chở N đi mua ma túy, khi đến khu vực chân Cầu Niệm 2 thuộc địa bàn quận Kiến An, N bảo T đứng chờ ở ngoài còn một mình N đi bộ vào trong ngõ mua của một người phụ nữ không rõ tên, tuổi, địa chỉ 01 gói ma túy đá hết 200.000 đồng; mua xong N cầm gói ma túy đá bằng tay phải và bảo T chở đi tìm nơi sử dụng.

Khoảng 11 giờ 20 phút cùng ngày, khi Hoàng Văn N và Hoàng Đức T trở về đi đến khu vực tổ dân phố ĐL, phường ĐP, quận DK thì bị lực lượng Công an yêu cầu dừng xe để tiến hành kiểm tra, do hoảng sợ nên N đã vứt gói ma túy xuống đường ngay cạnh chỗ dừng xe khoảng 0,5m thì bị lực lượng Công an bắt quả tang cùng vật chứng.

Tại Bản kết luận giám định số 271/KLGĐ(Đ6) ngày 07/6/2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an thành phố Hải Phòng, kết luận: Mẫu tinh thể gửi giám định thu giữ của Hoàng Văn N và Hoàng Đức T là ma túy, có khối lượng 0,2215 gam, là loại: Methamphetamine.

Tại cơ quan điều tra, Hoàng Văn N và Hoàng Đức T cùng khai nhận hành vi như đã nêu trên.

Về vật chứng: 01 (một) phong bì niêm phong số ma túy còn lại sau giám định bên ngoài có chữ ký của Hoàng Văn N và Hoàng Đức T và Giám định viên đã chuyển Chi cục Thi hành án dân sự quận DKquản lý, phục vụ việc xét xử. Chiếc xe mô tô nhãn hiệu LONCIN BKS: 16H8- 8330 có số khung LZSXCHL8!11080226 và số máy ZS152FMH*05000072*, kết quả điều tra xác định nhãn hiệu giữa đăng ký xe và xe không thống nhất nên Cơ quan điều tra đã tách ra để tiếp tục điều tra làm rõ sẽ xử lý theo quy định của pháp luật.

Đối với người phụ nữ đã bán ma túy cho Hoàng Văn N và Hoàng Đức T, quá trình điều tra chưa xác định được căn cước lý lịch, Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh làm rõ sẽ xử lý sau.

Tại bản Cáo trạng số 18/CT-VKS ngày 10/9/2019, Viện Kiểm sát nhân dân quận DKđã truy tố Hoàng Văn N và Hoàng Đức T cùng về tội "Tàng trữ trái phép chất ma tuý" theo điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung cáo trạng, các bị cáo tỏ ra ăn năn, hối cải và cùng xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt khi lượng hình.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận DK tại phiên tòa trình bày lời luận tội, sau khi phân tích đánh giá tính chất vụ án, mức độ, tính nguy hiểm và hậu quả của hành vi phạm tội cùng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo đã đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, (riêng đối với bị cáo Hoàng Đức T áp dụng thêm khoản 2) Điều 51 Bộ luật Hình sự, xử phạt các bị cáo Hoàng Văn N mức án từ 21 tháng đến 24 tháng tù và Hoàng Đức T mức án từ 15 tháng đến 18 tháng tù cùng về tội "tàng trữ trái phép chất ma túy". Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt T đối với các bị cáo vì các bị cáo đều có điều kiện kinh tế khó khăn đồng thời miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo T vì gia đình bị cáo T thuộc hộ cận nghèo của địa phương. Ngoài ra, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận DKcòn đề nghị xử lý vật chứng theo quy định của pháp luật.

Người bào chữa cho bị cáo Hoàng Đức T tại phiên tòa có quan điểm: Không tranh luận về tội danh, điều luật, hình phạt bổ sung cũng như án phí mà đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận DKđề nghị áp dụng đối với bị cáo T, chỉ lưu ý Hội đồng xét xử về các tình tiết: Tính chất đồng phạm giản đơn, vai trò phạm tội thấp, lượng ma túy nhỏ cùng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà Kiểm sát viên đã nêu trong bài luận tội để đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng mức hình phạt ở mức thấp nhất mà Viện Kiểm sát nhân dân quận DKđề nghị.

Quan điểm bào chữa của Trợ giúp viên pháp lý được Hội đồng xét xử ghi nhận và xem xét khi quyết định hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an quận Dương Kinh, thành phố Hải Phòng, Điều tra viên; Viện Kiểm sát nhân dân quận Dương Kinh, thành phố Hải Phòng, Kiểm sát viên: Trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[2] Về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy: Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của những người làm chứng, phù hợp với biên bản bắt giữ người có hành vi phạm tội quả tang, vật

chứng thu giữ được, kết luận giám định cùng các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Vì vậy, đã có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 11 giờ 20 phút ngày 06/6/2019, tại tổ dân phố Đông Lãm, phường Đa Phúc, quận Dương Kinh, thành phố Hải Phòng, Hoàng Văn N và Hoàng Đức T đã bị bắt quả tang khi có hành vi cất giữ trái phép 0,2215 gam Methamphetamine để sử dụng cho bản thân. Hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy", vi phạm điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự như đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận DKtruy tố là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Tính chất của vụ án là nghiêm trọng. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Tệ nạn ma túy nhất là ma túy đá đang là hiểm họa lớn đối với toàn xã hội nói chung và với giới trẻ thanh niên nói riêng, gây tác hại xấu cho sức khỏe con người, gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến trật tự, an toàn xã hội và là nguyên nhân làm phát sinh nhiều loại tệ nạn xã hội khác. Vì vậy, cần phải có hình phạt nghiêm khắc tương xứng với tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi phạm tội và đặc điểm nhân thân của từng bị cáo.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo đều thành khẩn khai báo, tỏ rõ sự ăn năn hối cải nên cần được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Ngoài ra, bị cáo T có ông nội là ông Hoàng Văn Nho, cụ ngoại là cụ Vũ Văn Khuýnh là người có công với cách mạng nên bị cáo được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[6] Về vai trò của từng bị cáo trong việc thực hiện hành vi phạm tội: Các bị cáo tuy cùng phạm một tội nhưng không có sự bàn bạc, phân công, cấu kết chặt chẽ nên thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn. Tuy nhiên, cũng cần phân tích, đánh giá vai trò của từng bị cáo để có cơ sở cá thể hóa trách nhiệm hình sự. Trong vụ án này, bị cáo N là người cầm đầu, khởi xướng, rủ rê, lôi kéo bị cáo T phạm tội; đồng thời N cũng là người góp T, sau đó trực tiếp thực hiện giao dịch mua và cất giấu ma túy nên có vai trò chính, cao hơn bị cáo T; bị cáo T là người cùng góp T để mua ma túy, dùng phương tiện xe máy và trực tiếp chở bị cáo N đi mua ma túy, là người giúp sức trong việc phạm tội nên có vai trò thấp hơn bị cáo N. Do vậy, cần phải xử phạt bị cáo N với mức án cao hơn bị cáo T mới tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm và vai trò của từng bị cáo khi lượng hình.

[7] Về hình phạt áp dụng đối với các bị cáo: Căn cứ tính chất, mức độ, hậu quả nguy hiểm của hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, vai trò và đặc điểm nhân thân của từng bị cáo như đã phân tích ở trên, Hội đồng xét xử xét thấy cần phải có hình phạt nghiêm khắc, xử phạt các bị cáo trên mức khởi điểm của khung hình phạt quy định tại khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự và mức hình phạt đối với bị cáo N phải cao hơn so với mức hình phạt của bị cáo T

như đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận DKtại phiên tòa mới đủ tác dụng giáo dục, cải tạo các bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung. Tuy nhiên, khi lượng hình, cũng cân nhắc, xem xét việc các bị cáo phạm tội lần đầu, trong trường hợp đồng phạm giản đơn, lượng ma túy không nhiều, hoàn cảnh kinh tế khó khăn cũng như quan điểm của người bào chữa để giảm một phần hình phạt cho cả hai bị cáo.

[8] Về hình phạt bổ sung: Do điều kiện kinh tế của các bị cáo khó khăn, là lao động tự do, không có thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt T đối với các bị cáo.

[9] Về xử lý vật chứng: Hiện Chi cục Thi hành án dân sự quận DKđang quản lý 01 (một) phong bì đã niêm phong bên trong có chứa số ma túy còn lại sau giám định. Xét thấy, số vật chứng này liên quan trực tiếp đến việc phạm tội, là vật cấm lưu hành nên cần áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự tịch thu, tiêu hủy. Đối với chiếc xe máy BKS: 16H8-8330 quá trình điều tra xác định nhãn hiệu giữa đăng ký xe và xe không thống nhất, cơ quan Điều tra đã tách ra tiếp tục xác minh làm rõ sẽ xử lý theo quy định của pháp luật.

[10] Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo Hoàng Văn N phải nộp án phí hình sự sơ thẩm; bị cáo Hoàng Đức T được miễn nộp T án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[11] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 249, khoản 1 Điều 17, Điều 58, điểm s khoản 1, (riêng đối với bị cáo Hoàng Đức T áp dụng thêm khoản 2) Điều 51 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt:

1. Hoàng Văn N 18 (mười tám) tháng tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy". Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 06/6/2019.

2. Hoàng Đức T (tên gọi khác: Tiến) 15 (mười lăm) tháng tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy". Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 06/6/2019.

3. Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự; tịch thu, tiêu hủy 01 (một) phong bì đã niêm phong bên trong chứa số ma túy còn lại sau giám định (theo Biên bản bàn giao vật chứng ngày 12/9/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận DK, thành phố Hải Phòng).

4. Về án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng các Điều 135 và Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 21 và điểm a khoản 1 Điều 23 (điểm đ khoản 1 Điều 12

áp dụng riêng đối với bị cáo Hoàng Đức T) của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; buộc bị cáo Hoàng Văn N phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm, bị cáo Hoàng Đức T được miễn nộp T án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TANDTP Hải Phòng;
- VKSND TP Hải Phòng;
- Sở Tư pháp thành phố Hải Phòng;
- VKSND quận Dương Kinh;
- Cơ quan điều tra Công an Q.Dương Kinh;
- Cơ quan THAHS Quận Dương Kinh;
- Phòng Hồ sơ nghiệp vụ CATP Hải Phòng;
- Chi cục THADS quận Dương Kinh;
- Trại tạm giam Công an TP Hải Phòng;
- Bị cáo;
- UBND cấp xã nơi bị cáo cư trú;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Song Hải